TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **121** /2023/HNGĐ-ST
Ngày: 30 - 8 - 2023
V/v: "*Ly hôn và tranh chấp về nuôi con*"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Trung

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoài Đức Huệ

2. Bà Trần Thanh Phương

Thư ký phiên tòa: Bà Quân Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Bà Đặng Vân Hoàng Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 08 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 150/2023/TLST - HNGĐ ngày 05 tháng 04 năm 2023 về việc: *"Ly hôn và tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 660/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 24 tháng 07 năm 2023, quyết định hoãn phiên tòa số: 811/2023/QĐST- HNGĐ ngày 14 tháng 08 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Trần Thị Ngọc Nh**, sinh năm 1990; Địa chỉ thường trú: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre. Nơi ở hiện nay: Ấp Th, xã V, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Anh **Phạm Văn Nh**, sinh năm 1966; Địa chỉ thường trú: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre. Nơi ở hiện nay: Ấp Th, xã V, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

(Các đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 26 tháng 12 năm 2022, bản tự khai ngày 08 tháng 05 năm 2023 và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, chị Trần Thị Ngọc Nh trình bày Nh sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nh và anh Nh tự nguyện tìm hiểu, yêu thương, chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 14/2018 ngày 05/4/2018. Trong quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do quá trình chung sống anh Nh thường xuyên chửi bới đánh đập đuổi chị Nh ra khỏi nhà, vợ chồng

không tìm được tiếng nói chung, bất đồng quan điểm nên thường xuyên cãi vã, tình cảm vợ chồng không còn, chung sống không có hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng bản thân chị và anh Nh đã tự hoà giải và được gia đình hai bên khuyên bảo để quay về chung sống với nhau Nhng không có kết quả. Chị Nh đã bỏ về nhà mẹ ruột sinh sống hơn một năm nay, vợ chồng độc lập về kinh tế, mỗi người có một cuộc sống riêng. Chị Nh xác định vợ chồng đã sống ly thân hơn một năm nay và không còn khả năng đoàn tụ. Vì vậy, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nh.

- Về con chung: Có 02 con chung là Phạm Quyết Th, sinh ngày 30/4/2019 và Phạm Ngọc Quỳnh Nh, sinh ngày 22/7/2020. Khi ly hôn, chị Nh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và tạm thời không yêu cầu anh Nh phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì bận công việc ở xa nên chị Nh có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

*Bị đơn anh Phạm Văn Nh đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thủ tục hòa giải, thời hạn chuẩn bị xét xử, quyết định xét xử, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp, tống đạt các văn bản tố tụng; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng được Tòa án thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Nh là có cơ sở nên đề nghị chấp nhận cho chị Nh được ly hôn với anh Nh. Về con chung: Có 02 con chung là Phạm Quyết Th, sinh ngày 30/4/2019 và Phạm Ngọc Quỳnh Nh, sinh ngày 22/7/2020; đề nghị Tòa án giải quyết giao con chung cho chị Nh trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn và tạm thời anh Nh không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự trình bày không có nên đề nghị không đặt ra xem xét. Về án phí: Chị Nh phải nộp án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn chị Trần Thị Ngọc Nh có đơn xin vắng mặt, bị đơn anh Phạm Văn Nh đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Vì vậy

Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự để tiến hành xét xử theo quy định.

[2].Về thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ tranh chấp và tư cách đương sự: Chị Trần Thị Ngọc Nh xin ly hôn với anh Phạm Văn Nh. Anh Nh hiện có tạm trú tại Ấp Thành Công, xã V, huyện N, tỉnh Đồng Nai nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện N có thẩm quyền giải quyết vụ án. Quan hệ pháp luật được xác định là "*Ly hôn và tranh chấp về nuôi con*". Căn cứ Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định nguyên đơn là chị Trần Thị Ngọc Nh, bị đơn là anh Phạm Văn Nh.

[3]. Về yêu cầu khởi kiện:

3.1 Về quan hệ hôn nhân:

Chị Trần Thị Ngọc Nh và anh Phạm Văn Nh chung sống và đăng ký kết hôn vào năm 2018 trên cơ sở tự nguyện tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 14/2018 ngày 05/4/2018 nên căn cứ Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 hôn nhân trên được xem là hợp pháp.

Xét lời trình bày của chị Nh tại đơn khởi kiện ngày 26 tháng 12 năm 2022, bản tự khai ngày 08 tháng 05 năm 2023 và các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ nhận thấy: Chị Nh yêu cầu được ly hôn với anh Nh do vợ chồng đã hết tình cảm, không còn khả năng hòa giải đoàn tụ. Về phía anh Nh được Tòa án triệu tập nhiều lần để làm việc, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh liên tục vắng mặt thể hiện việc anh Nh không có thiện chí hòa giải, đoàn tụ. Hơn nữa trong khoảng thời gian ly thân, hai bên không liên lạc với nhau, không còn quan tâm đến nhau. Từ những căn cứ trên, xét mâu thuẫn giữa chị Nh và anh Nh là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Nh yêu cầu ly hôn với anh Nh là có cơ sở, phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

3.2. Về con chung: Chị Nh và anh Nh trong quá trình chung sống có 02 con chung là Phạm Quyết Th, sinh ngày 30/4/2019 và Phạm Ngọc Quỳnh Nh, sinh ngày 22/7/2020. Chị Nh yêu cầu Tòa án giải quyết giao 02 con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn và tạm thời không yêu cầu anh Nh cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy các con còn nhỏ, từ trước đến nay đều được chị Nh chăm sóc, nuôi dưỡng tốt, hơn nữa chị Nh có công việc ổn định nên có đủ kinh tế để chăm lo cho con cũng Nh có đủ điều kiện để cho con phát triển toàn diện. Do đó, xét đề nghị của chị Nh là có cơ sở, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

3.3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nh khai không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4]. Về án phí: Chị Nh phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 220, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 264, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị Ngọc Nh về việc: "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con" với anh Phạm Văn Nh.

Tuyên xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Ngọc Nh được ly hôn với anh Phạm Văn Nh.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là Phạm Quyết Th, sinh ngày 30/4/2019 và Phạm Ngọc Quỳnh Nh, sinh ngày 22/7/2020 cho chị Trần Thị Ngọc Nh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Tạm thời anh Phạm Văn Nh không phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Anh Phạm Văn Nh được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung khi cần thiết các đương sự được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

3.Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

4.Về án phí: Chị Trần Thị Ngọc Nh phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình, Nhng được trừ vào 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí mà chị Nh đã nộp theo biên lai thu số 0008554 ngày 30 tháng 03 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Đồng Nai. Chị Nh đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự được quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự ; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- Tòa án tỉnh; Thi hành án;
- UBND xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre (Giấy CNKH số 14/2018, ngày 05/4/2018);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Nguyễn Tiến Trung